Chi tiết mã HS 9508.26.00

Mã HS	9508.26.00
Mô tả hàng hóa	Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động / - Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước: / - - Trò chơi công viên nước
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:11:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95082600/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18817
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18817
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18817
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18093
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18022
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18022
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18022
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18022
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18022
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18022
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18078
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18078
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18078
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18078

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18078
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18078
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18079
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18079
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18079
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18079
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18079
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18079
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18084
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18041
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18036
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18036
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18036
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18036
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18036
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18036
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18084
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18084
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18084
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18084
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18084
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18084
VCFTA	2022	2022	2	VC!D18148
VCFTA	2023	2023	1	VC!E18148
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18148
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18148
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18148
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18122
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18122
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18122
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18122
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18122
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18122
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18115
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18115
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18115
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18115
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18115
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18115
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D18145
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18145
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18145
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18145
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18145
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18145
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D18144
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18144
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18144
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18144
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18144
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18238
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18238
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18238
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18238
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18238
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18238
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18238
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18109
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18109
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18109
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18109
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18109
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18109
RCEP B	2022	2022	0	B!D18109
RCEP B	2023	2023	0	B!E18109
RCEP B	2024	2024	0	B!F18109
RCEP B	2025	2025	0	B!G18109
RCEP B	2026	2026	0	B!H18109
RCEP B	2027	2027	0	B!I18109
RCEP C	2022	2022	0	C!D18107
RCEP C	2023	2023	0	C!E18107
RCEP C	2024	2024	0	C!F18107
RCEP C	2025	2025	0	C!G18107
RCEP C	2026	2026	0	C!H18107
RCEP C	2027	2027	0	C!I18107
RCEP D	2022	2022	0	D!D18106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18106
RCEP D	2024	2024	0	D!F18106
RCEP D	2025	2025	0	D!G18106
RCEP D	2026	2026	0	D!H18106
RCEP D	2027	2027	0	D!I18106
RCEP E	2022	2022	0	E!D18111
RCEP E	2023	2023	0	E!E18111
RCEP E	2024	2024	0	E!F18111
RCEP E	2025	2025	0	E!G18111
RCEP E	2026	2026	0	E!H18111
RCEP E	2027	2027	0	E!I18111
RCEP F	2022	2022	0	F!D18109
RCEP F	2023	2023	0	F!E18109
RCEP F	2024	2024	0	F!F18109
RCEP F	2025	2025	0	F!G18109
RCEP F	2026	2026	0	F!H18109
RCEP F	2027	2027	0	F!I18109
VIFTA	2024	2024	9	VI!F16979
VIFTA	2025	2025	8	VI!G16979
VIFTA	2026	2026	7	VI!H16979
VIFTA	2027	2027	6	VI!I16979

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9508.26.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9508.26.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9508.26.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9508.26.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18817), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.